

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 01-02-2024.

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA BÈ, TỈNH BẮC KẠN**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn.*

*Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Thịnh.*

*Ông Nông Ngọc Hóa.*

*- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hải Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn.*

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Huyền - Kiểm sát viên.*

Ngày 01 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Bè, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 10 năm 2023 về việc: “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐXX-ST ngày 27 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 16 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

\* Nguyên đơn: Chị **Phùng Thị D**, sinh năm 1982. Vắng mặt.

Trú tại: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

\* Bị đơn: Anh **Triệu Tiến C**, sinh năm 1981. Vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Nơi tạm trú: Thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Phùng Thị D trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với anh Triệu Tiến C trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn ngày 03/5/2018. Quá trình chung sống thời gian đầu hòa thuận, hạnh phúc. Sau

đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh C chơi cờ bạc và sống không chung thủy nên hai vợ chồng thường xảy ra tranh cãi, anh C thường xuyên có hành vi đánh đập tôi. Hai vợ chồng tôi đã sống ly thân được 04 năm nay. Từ khi sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, tôi xin được ly hôn với anh Triệu Tiến C.

Về con chung: Hai vợ chồng tôi không có con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với anh Triệu Tiến C, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh thể hiện:* Chị D và anh Chung kết h năm 2018, sau khi kết hôn chị D và anh C về sinh sống tại thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống anh C thường xuyên uống rượu, cờ bạc, không tu chí làm ăn nên vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Đến Tết nguyên đán năm 2023 anh C vẫn còn ở địa phương nhưng hiện nay đã đến tạm trú tại thôn B, xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn. Tuy nhiên, khi Tòa án đến làm việc, giao các văn bản tố tụng cho anh C thì anh C đều không có nhà. Tòa án đã tiến hành lập biên bản về việc vắng mặt của anh C và niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật ở cả nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi tạm trú. Quá trình giải quyết vụ án anh C cũng không có ý kiến gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Bể tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án là vi phạm quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phùng Thị D.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Phùng Thị D được ly hôn anh Triệu Tiến C.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu vì vậy đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Chị Phùng Thị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt); Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Do đó, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Phùng Thị D và anh Triệu T Chung kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bắc Kạn năm 2018. Do vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Về phía chị D trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và đơn xin xét xử vắng mặt đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Quá trình giải quyết vụ án anh C không có bản tự khai, Tòa án cũng không lấy được lời khai của anh C. Tòa án đã xác minh hiện nay anh Triệu Tiến C đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã H, huyện B và tạm trú tại thôn Bản Lù, xã T, huyện C nhưng khi Tòa án đến giao các văn bản tố tụng cho anh C đều không có nhà, không có ai nhận thay. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, để xem xét về tình trạng hôn nhân của chị D và anh C, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương nơi sinh sống của chị D và anh C và gia đình, hàng xóm của chị D, anh C thể hiện: Sau khi kết hôn vợ chồng chị D và anh C về sinh sống ở thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Thời gian đầu hai vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C chơi cờ bạc, chửi mắng, đánh đập chị D. Hai vợ chồng đã sống ly thân được bốn năm. Quá trình sống ly thân không quan tâm hàn gắn tình cảm.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Về quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh C đã có sự mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc sống gia đình cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai bên. Do mâu thuẫn nên hai vợ chồng sống ly thân được 04 năm, quá trình sống ly thân không quan tâm đến nhau. Trong quá trình giải

quyết vụ án chị D và anh C cũng không có bất kỳ động thái nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh C không chấp hành các giấy triệu tập của Tòa án mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Điều này càng thể hiện anh C không có thiện chí hàn gắn tình cảm với chị D. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của chị Phùng Thị D là có căn cứ pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Về tài sản chung, vay nợ chung*: Chị Phùng Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong trường hợp các bên đương sự có tranh chấp về tài sản chung và có đơn yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét thụ lý, giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Chị Phùng Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 51, Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân**: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu xin ly hôn của Chị Phùng Thị D. Chị Phùng Thị D được ly hôn anh Triệu Tiến C.

**2. Về con chung**: Không có nên không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung, vay nợ chung**: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**4. Về án phí**: Chị Phùng Thị D phải chịu 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000<sup>d</sup> (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001210 ngày 24/10/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Ba Bể, tỉnh Bắc Kạn. Xác nhận chị D đã nộp đủ tiền án phí.

**5. Về quyền kháng cáo**: Án xử công khai sơ thẩm, Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND huyện Ba Bể;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Ba Bể;
- UBND xã Tân Sơn, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Kạn;
- Lưu hồ sơ vụ án.
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Anh Tuấn**

